

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 575/TTr-SNNMT ngày 11/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Chuẩn hóa Danh mục 08 TTHC lĩnh vực Chăn nuôi; 13 thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y (*11 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 02 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện*).

2. Phê duyệt 22 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi tại Mục XI, lĩnh vực thú y tại Mục XII, Phần A, Phụ lục I; Mục V, phần B, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực chăn nuôi và thú y tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y, Thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công khai Danh mục và nội dung TTHC được công bố kèm theo Quyết định này; xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực chăn nuôi: 8 TTHC				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn Mã TTHC: 1.008128	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng. Mã TTHC: 1.008126	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn Mã TTHC: 1.008129	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	-Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (toàn trình), bưu chính công ích	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày

					13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng Mã TTHC: 1.008127	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (toàn trình), bưu chính công ích	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
5	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công Mã TTHC: 1.012832	15 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

6	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công Mã TTHC: 1.012833	32 ngày, tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
7	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012834	20 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
8	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi Mã TTHC: 1.012835	- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với đối tượng được hỗ trợ rà soát và lập hồ sơ giải ngân gửi tới Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh: Trong thời hạn không quá 15 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải ngân khoản kinh	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính	Không	Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

		phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	công ích		
II Lĩnh vực Thú y: 11 TTHC					
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh) Mã TTHC: 1.011475	15 hoặc 17 ngày đối với các trường hợp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 15 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 15 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 17 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (<i>căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y</i>). - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

		lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 17 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.			
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y Mã TTHC: 1.001686	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

3	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh Mã TTHC: 2.000873	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần)	- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
---	--	---	--	---	--

		toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch			
4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh Mã TTHC: 1.002338	- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần)	- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016. - Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 04/2024/TT-

		nhận được đăng ký kiểm dịch, - Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của			BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
--	--	---	--	--	---

		chủ hàng: + 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch + 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.			
5	Cấp Giấy chứng nhận	22 hoặc 25 ngày đối	- Bộ phận tiếp nhận	- Phí thẩm định đối với vùng	- Luật số 79/2015/QH13 ngày

	vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh) Mã TTHC: 1.011478	với các trường hợp: - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 22 ngày. - Hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 22 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ. - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục. - Hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.	và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y). - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	19/6/2015 của Quốc hội. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y Mã TTHC: 1.004022	Trong thời gian 10 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	900.000 đồng/giấy	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC

			phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (toàn trình), bưu chính công ích		ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
7	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh Mã TTHC: 1.005319	02 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (toàn trình), bưu chính công ích	50.000 đồng/chứng chỉ hành nghề	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh) Mã TTHC: 1.011477	04 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi	Không quy định	Luật 79/2015/QH13; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT

	Mã TTHC: 1.004839		trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (toàn trình), bưu chính công ích		
10	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh) Mã TTHC: 1.011479	03 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1, Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC
11	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; - 02 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (toàn trình), bưu chính công ích	50.000 đồng /CCHN	Luật số 79/2015/QH13; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC

	Mã TTHC: 2.001064				
--	-------------------	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực chăn nuôi				
1	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	- Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan chuyên môn cấp huyện: 03 tháng/lần. - Tổ chức thẩm định hồ sơ và nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo: trong thời	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thành phố, thị xã; - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Không	Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Mã TTHC: 1.012836	hạn 90 ngày, tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ			
2	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012837	40 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thành phố, thị xã; - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến (một phần), bưu chính công ích	Không	Điều 7, Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

PHẦN II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 18 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Chăn nuôi	Dự thảo văn bản (<i>thành lập đoàn đánh giá</i>) hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đạt yêu cầu	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Chăn nuôi	Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trình phê duyệt Quyết định	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Đánh giá cơ sở; lập Biên bản đánh giá và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Đánh giá cơ sở; Lập Biên bản đánh giá và tham mưu xử lý	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Xét duyệt, trình cấp Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trình phê duyệt kết quả (<i>giấy chứng nhận</i>)	01 ngày
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	1/2 ngày

B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				18 ngày làm việc

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 18 ngày làm việc

- Quy trình:

2.1. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc				
TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Dự thảo văn bản (<i>thành lập đoàn đánh giá</i>) hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đạt yêu cầu	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá	1/2 ngày

		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trình phê duyệt Quyết định	01 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Đánh giá cơ sở; lập Biên bản đánh giá và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Đánh giá cơ sở; Lập Biên bản đánh giá và tham mưu xử lý	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Xét duyệt, trình cấp Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trình phê duyệt kết quả <i>(giấy chứng nhận)</i>	01 ngày
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành <i>(đính kèm kết quả)</i>	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Đính kèm kết quả <i>(scan Giấy chứng nhận)</i>	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				18 ngày làm việc

2.2. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	½ ngày

		Sơn La		
B2	Phòng Chăn nuôi tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	01 ngày
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	½ ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy xác nhận đủ điều kiện sản xuất TĂCN	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

- Thời gian quyết: 3,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Dự thảo văn bản	01 ngày

		Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn trại quy mô lớn	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				3,5 ngày làm việc

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

- Thời gian giải quyết: 3,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Chăn nuôi tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy xác nhận đủ điều kiện sản xuất TĂCN	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				3,5 ngày làm việc

5. Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thẩm tra điều kiện hỗ trợ, dự kiến mức kinh phí hỗ trợ cho dự án	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP gửi tới tổ chức, cá nhân	11,75 ngày

B5	Xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Dự thảo QĐ	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, dự thảo QĐ của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

6. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

- Thời gian giải quyết: 32 ngày

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B4	Thành lập Hội đồng nghiệm thu	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP gửi tới tổ chức, cá nhân	06 ngày
B5	Tiến hành nghiệm thu	Hội đồng nghiệm thu	Biên bản nghiệm thu theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP	13 ngày
B6	Hoàn thiện trình Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Dự thảo văn bản (<i>Tờ trình, dự thảo QĐ kèm hs</i>)	03 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, dự thảo QĐ của Chủ tịch UBND tỉnh</i>)	1/2 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</i>)			05 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

7. Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

- Thời gian giải quyết : 20 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thành lập Hội đồng thẩm định	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Quyết định thành lập HĐTĐ	04 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Tổ chức thẩm định	Hội đồng thẩm định	Hội đồng thẩm định về tính xác thực và nội dung của thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; tổ chức kiểm tra thực tế trong trường hợp cần thiết	08 ngày
B6	Hoàn thiện trình UBND tỉnh	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Dự thảo văn bản (<i>Tờ trình, dự thảo QĐ kèm hs</i>)	1 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Chuyên viên Phòng Chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, dự thảo QĐ của UBND tỉnh</i>)	1/2 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/2 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt Quyết định của UBND tỉnh</i>)			03 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê</i>)	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	<i>duyet)</i>	
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày làm việc

8. Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi

- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc
- Quy trình

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo	Lãnh đạo phòng	Ý kiến phân công	1/2 ngày

	Sở	Chuyên viên	Chuyên viên phụ trách kiểm tra hồ sơ và phối hợp với các phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ: 1. Đăng ký sử dụng tài khoản theo quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước để thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. 2. Chủ trì, phối hợp với đối tượng được hỗ trợ rà soát và lập hồ sơ giải ngân; tổng hợp báo cáo trình lãnh đạo phòng xem xét.	11 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; đồng thời gửi hồ sơ, văn bản đến Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện giải ngân	Văn thư	Văn bản phát hành	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo kết quả (<i>scan văn bản phê duyệt</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày làm việc

B. LĨNH VỰC THÚ Y

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; dự thảo văn bản trả lời, quyết định thành lập đoàn đánh giá	04 ngày
		Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Văn bản trả lời, quyết định thành lập đoàn đánh giá	01 ngày
B4	Tổ chức đánh giá cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật	Đoàn đánh giá	Đánh giá tại cơ sở, hồ sơ đánh giá; dự thảo văn bản hướng dẫn và thời gian khắc phục lỗi	09 ngày
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thú y	Dự thảo văn bản trả lời, giấy chứng nhận, quyết định	1/2 ngày
B6	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận	01 ngày

B7	Bàn giao kết quả ra bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Chuyên viên Phòng Thú y	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận	1/2 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận cơ sở ATDB động vật	
Tổng thời gian thực hiện:				17 ngày

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

- Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ	1/4 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Văn bản trả lời, quyết định thành lập đoàn thẩm định	1/2 ngày
B4	Tổ chức thẩm định, đánh giá tại cơ sở đăng ký Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú	Đoàn thẩm định	Đánh giá tại cơ sở, hồ sơ đánh giá	01 ngày

B5	Xem xét, trình ký	Trưởng phòng Thú y	Dự thảo văn bản trả lời, giấy chứng nhận, quyết định	1/4 ngày
B6	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1/2 ngày
B7	Bàn giao kết quả ra bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Chuyên viên Phòng Thú y	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1/4 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày làm việc

3. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra

- Thời gian quyết: 04 ngày làm việc.
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Hồ sơ (<i>Giấy đăng ký</i>)	1/4 ngày
B2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Lấy mẫu, gửi mẫu	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Biên bản lấy mẫu, Phiếu trả lời KQ xét nghiệm	02 ngày

B4	Kiểm dịch tại địa điểm đăng ký kiểm dịch	Kiểm dịch viên được phân công	Kiểm tra lâm sàng, biên bản kiểm tra điều kiện VSTY, Biên bản niêm phong,...	1/2 ngày
B5	Ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch (đã được Lãnh đạo Chi cục ủy quyền)	Kiểm dịch viên được phân công	Giấy chứng nhận Kiểm dịch	1/2 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm dịch viên được phân công	Văn bản phát hành (Giấy chứng nhận)	1/4 ngày
B7	Trả kết quả	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Giấy chứng nhận kiểm dịch	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				04 ngày làm việc

b) Trường hợp không phải lấy mẫu kiểm tra

- Thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Hồ sơ (Giấy đăng ký)	1/8 ngày
B2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/8 ngày
B3	Kiểm dịch tại địa điểm đăng ký kiểm dịch	Kiểm dịch viên được phân công	Kiểm tra lâm sàng, biên bản kiểm tra điều kiện VSTY,	1/2 ngày

			Biên bản niêm phong,...	
B4	Ký, cấp giấy chứng nhận KD <i>(đã được Lãnh đạo Chi cục ủy quyền)</i>	Kiểm dịch viên được phân công	Giấy chứng nhận Kiểm dịch	1/8 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm dịch viên được phân công	Văn bản phát hành <i>(Giấy chứng nhận)</i>	1/8 ngày
B6	Trả kết quả	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Giấy chứng nhận Kiểm dịch	0 ngày
Tổng thời gian thực:				01 ngày làm việc

4. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra

- Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Hồ sơ <i>(Giấy đăng ký)</i>	1/4 ngày
B2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Lấy mẫu, gửi mẫu	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Biên bản lấy mẫu, Phiếu trả lời KQ xét nghiệm	2,5 ngày

B4	Kiểm dịch tại địa điểm đăng ký kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Kiểm tra lâm sàng, biên bản kiểm tra điều kiện VSTY, Biên bản niêm phong,...	1/2 ngày
B5	Ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch (<i>đã được Lãnh đạo Chi cục ủy quyền</i>)	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Giấy chứng nhận Kiểm dịch	1/4 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
B7	Trả kết quả	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Giấy chứng nhận Kiểm dịch	1/8 ngày
Tổng thời gian thực:				04 ngày làm việc

b) Trường hợp không phải lấy mẫu kiểm tra

- Thời gian thực hiện: 01 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Hồ sơ (<i>Giấy đăng ký</i>)	1/8 ngày
B2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/8 ngày
B3	Kiểm dịch tại địa điểm đăng ký kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Kiểm tra lâm sàng, biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, Biên	1/2 ngày

			bản niêm phong,...	
B4	Ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch (<i>đã được Lãnh đạo Chi cục ủy quyền</i>)	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Giấy chứng nhận Kiểm dịch	1/8 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm dịch viên động vật được phân công	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
B6	Trả kết quả	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Giấy chứng nhận Kiểm dịch	0 ngày
Tổng thời gian thực:				01 ngày làm việc

5. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

- Thời gian thực sau khi cắt giảm: 25 ngày
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Thẩm định hồ sơ; dự thảo văn bản trả lời, Quyết định thành lập đoàn đánh giá	06 ngày
		Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	01 ngày

B3	Tổ chức đánh giá vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh	Đoàn đánh giá, Phòng Thú y	Đánh giá tại thực địa, hồ sơ đánh giá; dự thảo văn bản hướng dẫn và thời gian khắc phục lỗi	15 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt (<i>trên cơ sở báo cáo kết quả khắc phục được lỗi của vùng</i>)	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Quyết định và giấy chứng nhận	1/2 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Văn bản phát hành (<i>Quyết định và giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
B6	Trả kết quả	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh	Giấy chứng nhận vùng ATDB động vật	1/2 ngày
Tổng thời gian thực:				25 ngày

6. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

- Thời gian thực tế giải quyết: 10 ngày làm việc
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Thẩm định hồ sơ, Dự thảo văn bản	07 ngày
		Trưởng phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

		và Thủy sản		
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Văn bản phát hành (<i>Quyết định và giấy xác nhận</i>)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	1/2 ngày
Tổng thời gian thực:				10 ngày làm việc

7. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh

- Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Dự thảo Chứng chỉ (<i>kèm theo dự thảo</i>)	1/2 ngày
		Trưởng phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Chứng chỉ hành nghề	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Chứng chỉ hành nghề	1/8 ngày
Tổng thời gian thực:				02 ngày làm việc

8. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)

- Thời gian thực tế giải quyết: 04 ngày làm việc
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian TH
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản trả lời hoặc giấy chứng nhận, quyết định	01 ngày
		Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt (Văn bản trả lời hoặc giấy chứng nhận, quyết định)	1/2 ngày

B3	Trên cơ sở ý kiến xét duyệt thẩm định của Phòng Thú y về kết quả đánh giá định kỳ hằng năm hoặc báo cáo khắc phục lỗi hoặc báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt (<i>giấy chứng nhận, Quyết định</i>)	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Văn bản phát hành (<i>Quyết định và giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận cơ sở ATDB động vật	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				04 ngày làm việc

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

- Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Dự thảo giấy chứng nhận (<i>kèm theo dự thảo</i>)	1.5 ngày
		Trưởng phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày

B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				03 ngày làm việc

10. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)

- Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản trả lời, quyết định và giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Trưởng Phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Trên cơ sở ý kiến xét duyệt thẩm định của Phòng Thú y về kết quả đánh giá định kỳ hằng năm hoặc báo cáo khắc phục lỗi hoặc	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt: văn bản trả lời, quyết định và giấy chứng nhận	01 ngày

	báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh			
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Văn bản phát hành (<i>Quyết định và giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận vùng ATDB động vật	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				03 ngày làm việc

11. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 03 ngày làm việc (trường hợp cấp mới); 02 ngày làm việc (trường hợp gia hạn).

- Quy trình:

a) Trong trường hợp cấp mới				
TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thú y	Dự thảo Chứng chỉ (<i>kèm theo dự thảo</i>)	1,5 ngày
		Trưởng phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày

B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Chứng chỉ hành nghề	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Chứng chỉ hành nghề	1/8 ngày
Tổng thời gian thực:				03 ngày
b) Trong trường hợp gia hạn				
TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Thú y tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thú y	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên hòng Thú y	Dự thảo Chứng chỉ (kèm theo dự thảo)	01 ngày
		Lãnh đạo phòng Thú y	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thú y	Chứng chỉ hành nghề	1/8 ngày

B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Chứng chỉ hành nghề	1/8 ngày
Tổng thời gian thực:				02 ngày làm việc